TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:87/2017/QĐST-HNGĐ	*Phú Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V,** sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu tập thể Trường Q, xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S,** sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu tập thể Trường Q, xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn

Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên đương sự (Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn S) thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Minh H – sinh ngày 20/10/2001 và cháu Nguyễn Thị Minh K – sinh ngày 14/9/2004 cho đến khi trưởng thành. Hai bên đương sự thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Cả hai bên đương sự (Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn S) đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại 225.000 đồng (Hai trăm hai lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000149 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Văn S phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ích Yên